TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HS-PT
Ngày: 09-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Của

Ông Phạm Văn Tỉnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2022/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo T.G.B và P.M.T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2022/HSST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. T.G.B, sinh năm 2000 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông T.T.K và bà V.T.M.T; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. P.M.T, sinh ngày 14/10/2003 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp P, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 8/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông P.V.T và bà N.T.K.O; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 09/3/2020, P.M.T cùng T.G.B đến chơi game tại tiệm game ở ấp P, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Do trước đó, P.M.T bị người khác hăm dọa chặn đường đánh nên khi đi P.M.T kêu T.G.B mang theo dao tự chế để phòng

thân. Khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi chơi game xong, P.M.T, T.G.B cùng C.T.K đến quán của chị N.T.H.C tại ấp T, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre để nhậu. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, P.M.T ra phía trước quán để tính tiền thì xảy ra mâu thuẫn qua lời nói với Đ.H.P. Lúc này P.M.T xông tới dùng tay đánh trúng vào mặt Đ.H.P nên Đ.H.P dùng cây gậy dũ 03 khúc mang theo sẵn đánh lại P.M.T. T.G.B ngồi tại bàn nhậu nhìn thấy P.M.T bị đánh nên dùng dao tự chế mang theo trước đó chém trúng lưng và tay trái của Đ.H.P. Do còn bực tức việc bị Đ.H.P đánh nên P.M.T kêu T.G.B đưa dao thì T.G.B đồng ý đưa dao để cho P.M.T đuổi theo chém trúng vào tay phải của Đ.H.P rồi bỏ đi, sau đó P.M.T tiếp tục dùng dao chém vào xe môtô biển số 71B4-xxx.xx gây bể ốp nhựa phuộc trước, chắn gió và ốp sườn bên trái. Sau khi sự việc xảy ra, P.M.T và T.G.B đi Thành phố Hồ Chí Minh để lẩn trốn, trên đường đi cả hai quăng bỏ con dao xuống sông cầu ông Ngò thuộc ấp P, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên không thu hồi được.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

+ Chị N.T.H.C giao nộp: 01 cây gậy dũ bằng kim loại gồm 03 đoạn, tổng chiều dài khi dũ ra 62,5cm, khi thu vào 42cm, đường kính đầu lớn 2,5cm, đầu nhỏ 1,2cm, đoạn tay cầm dài 23,5cm bọc xốp màu đen, phần xốp bị rách dính nhiều đất cát, đoạn giữa dài 19,5cm màu trắng, có dính chất màu nâu đỏ nghi máu, đoạn cuối dài 20cm bị cong.

+ Anh Đ.H.P giao nộp: 01 xe môtô biển số 71B4-xxx.xx, nhãn hiệu: JIULONG, màu sơn: xanh, số khung: H0022T015xxx, số máy: 2FMH00013xxx; 01 giấy đăng ký xe môtô biển số 71B4-xxx.xx mang tên Phan Thị Kim Liên.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 69/CN ngày 26/3/2021 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu xác định Đ.H.P bị các vết thương sau: Vết thương lưng trái, kích thước 10 x 01cm, rách da nông chảy máu; vết thương mặt trước cổ tay phải bên quay kích thước 02 x 01cm, bờ sắc gọn đứt tĩnh mạch quay, nhánh nông thần kinh quay, gân cơ cánh tay quay, đứt 01 phần gân gấp cổ tay quay, lộ xương có dị vật dơ; vết thương 1/3 sau trên cẳng tay trái, kích thước 08 x 05cm bờ sắc gọn, đứt cân, đứt gân cơ dạng ngón I, gân cơ duỗi ngón II, III, IV, V, gân cơ duỗi cổ tay quay, cổ tay trụ, đứt thần kinh gian cốt sau lộ xương, các đầu gân cơ dập nhiều, có dị vật dơ; X-quang cẳng tay trái: gãy 1 phần vỏ xương trụ trái.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 81-420/TgT ngày 22/4/2020 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Bến Tre kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích của bị hại Đ.H.P là 09%. Anh Đ.H.P không đồng ý với kết quả giám định trên nên ngày 28/5/2020 có đơn yêu cầu giám định lại.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 76/20/TgT ngày 19/6/2020

của Phân viện Pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Đ.H.P là 27%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích lần II số 144/20/TgT ngày 12/11/2020 của Viện Pháp y quốc gia kết luận các dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo vết thương phần mềm cẳng tay phải kích thước nhỏ: 1%; sẹo vết thương phần mềm cẳng tay trái kích thước trung bình: 2%; sẹo vết thương phần mềm lưng trái kích thước lớn: 3%; mẻ xương trụ trái: 2%; tổn thương nhánh thần kinh quay phải: 11%; tổn thương nhánh thần kinh quay trái: 11%. Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 27%.

Ngày 02/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành cho P.M.T, T.G.B nhận dạng vật cùng loại, P.M.T và T.G.B xác định con dao có đặc điểm sau đây tương tự con dao mà P.M.T và T.G.B đã dùng gây thương tích cho bị hại Đ.H.P: Dao dài 56cm, cán bằng gỗ màu nâu hơi dẹp và cong dài 17cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 39cm, nơi rộng nhất 07cm, nơi hẹp nhất 04cm, mũi nhọn có một bề bén, trên lưỡi dao có 07 lỗ, bề lưng cong và lượn sóng.

Tại Công văn phúc đáp về việc xác định cơ chế hình thành thương tích số 74-620/PY-GĐTH ngày 29/6/2020 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Bến Tre xác định: Con dao tự chế có đặc điểm theo mô tả có thể gây ra các vết thương của Đ.H.P như trong Bản kết luận giám định pháp y.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 14/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre kết luận: Giá trị thiệt hại phần tài sản bị hư hỏng của xe môtô biển số 71B4-xxx.xx là 370.000 đồng (Ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo T.G.B và P.M.T phạm "Tội cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo T.G.B 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo P.M.T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền

kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/01/2022 các bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo T.G.B và P.M.T phạm "Tội cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và xử phạt bị cáo T.G.B 01 năm tù, xử phạt bị cáo P.M.T 09 tháng tù là tương xứng. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo T.G.B 01 (một) năm tù về "Tội cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo P.M.T 09 (chín) tháng tù về "Tội cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Lời nói sau cùng, các bị cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt tù và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: khoảng 23 giờ ngày 09/3/2020 tại ấp T, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, T.G.B và P.M.T có hành vi dùng dao là loại hung khí nguy hiểm chém bị hại Đ.H.P chỉ vì nguyên cớ nhỏ nhặt trong cuộc sống. Trong đó, T.G.B chém trúng vào tay trái và vùng lưng của Đ.H.P gây thương tích. Sau đó, T.G.B đưa dao cho P.M.T tiếp tục chém trúng vào tay phải của Đ.H.P gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích là 27%. Với ý thức, hành vi và tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại mà các bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo T.G.B và P.M.T phạm "Tội cố ý gây thương tích"

theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; trong suốt quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn bãi nại không yêu cầu xử lý hình sự và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo P.M.T có ông nội P.V.T là người có công với cách mạng, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T.G.B 01 năm tù, xử phạt bị cáo P.M.T (người chưa thành niên phạm tội) 09 tháng tù là phù hợp do các bị cáo phạm tội "có tính chất côn đồ". Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo là tương xứng và không cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp nên được giữ nguyên. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

1.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo T.G.B 01 (một) năm tù về "Tội cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.2. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo P.M.T 09 (chín) tháng tù về "Tội cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo T.G.B và P.M.T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng

án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam (6b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Công an huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã H, h. Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã C, h. Mỏ Cày Nam (1b);
- Các bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Phận